

## BÁO CÁO THƯƠNG NIÊN

### LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- I. Các sự kiện quan trọng
- II. Quá trình phát triển

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- I. Các nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm
- II. Các thay đổi chủ yếu
- III. Thay đổi thành viên HĐQT và BKS trong năm
- IV. Triển vọng và kế hoạch trong năm

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- I. Báo cáo tình hình tài chính
- II. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- III. Các tiến bộ đã đạt được
- IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai

### CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Công ty nắm giữ vốn cổ phần của Tân Hóa

### TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- I. Cơ cấu tổ chức
- II. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Giám Đốc
- III. Thay đổi Giám đốc trong năm
- IV. Quyền lợi của Ban Giám Đốc
- V. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

### THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- I. Hội Đồng Quản Trị
- II. Ban Kiểm Soát
- III. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- I. Báo cáo của Ban Giám Đốc
- II. Báo cáo của Kiểm toán viên
- III. Bảng cân đối kế toán
- IV. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- V. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- VI. Thuyết minh báo cáo tài chính

## 1. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG:

- Tên gọi Công ty:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN HÓA**
- Tên giao dịch:  
**TAN HOA PLASTIC JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: VIKY PLASTIC Co.
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng  
(Tám mươi tỷ đồng chẵn).
- Địa chỉ: 101 Tân Hóa, Phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.8) 39692 394 – 38589 148 – 38582 676 Fax: (84.8) 39692084
- E-mail: [tanhoasplastic@hcm.vnn.vn](mailto:tanhoasplastic@hcm.vnn.vn) Website: [www.tanhoaplastic.com.vn](http://www.tanhoaplastic.com.vn)
- Quyết định chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Hóa số 7592/QĐ-UB-KT do Chủ tịch UBND Thành Phố Hồ Chí Minh ký ngày 10 tháng 12 năm 1999.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4103000108 nay được đổi lại số 0300627056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.  
*Đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 07 năm 2000*  
*Đăng ký lần thứ 9 ngày 22 tháng 03 năm 2011*
- Mã số thuế: 0300627056
- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh được cấp phép bao gồm: Sản xuất các loại bao bì nhựa, bao bì PP dệt và các sản phẩm khác bằng nhựa từ màng siêu mỏng và màng phức hợp; in trên bao bì nhựa; các ngành nghề khác thuộc lĩnh vực bao bì nhựa theo qui định của Nhà nước.
- Mã ngành (theo phân ngành kinh tế quốc dân) : 22

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY:

### I- CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG:

- Công ty cổ phần Nhựa Tân Hóa (VIKYPLASTIC Co) được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Xí Nghiệp Nhựa Tân Hóa theo Quyết định số 7592/QĐ-UB-KT do Chủ tịch UBND Thành Phố Hồ Chí Minh ký ngày 10 tháng 12 năm 1999, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 06 năm 1999.
- Ngày 03/07/2000, Công ty cổ phần Nhựa Tân Hóa chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần và được cấp phép niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo Giấy phép Niêm yết số 44/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám Đốc Sở Giao Dịch Chứng Khóan TP. Hồ Chí Minh ngày 31/03/2008.

- Cổ phiếu của Công ty CP Nhựa Tân Hóa chính thức niêm yết và giao dịch trên sàn của Sở Giao Dịch TP.HCM kể từ ngày 19/06/2008 với  
Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông  
Mã chứng khoán : VKP  
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu  
Số lượng CP đã được lưu ký : 7.389.202 CP  
Số lượng CP chưa lưu ký : 610.798 CP

## II- QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty CP Nhựa Tân Hóa là sản xuất kinh doanh các sản phẩm màng nông nghiệp, thủy hải sản; các loại màng mỏng phức hợp PE, OPP; bao bì dệt PP dùng cho ngành thức ăn gia súc phân bón; bao bì mềm cao cấp dùng đựng hàng hóa và túi xách ghép màng với PP dệt dùng trong siêu thị; kinh doanh các vật tư nguyên liệu ngành nhựa.

**Năm 2001:** Từ số vốn cổ phần hóa nhỏ ban đầu là 4,7 tỷ, Công ty đã mạnh dạn đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất màng đa năng Châu Âu bao gồm: máy thổi 3 lớp, máy in Flexo 8 màu, máy ghép không dung môi, máy chia cuộn trị giá 30 tỷ đồng từ nguồn vốn vay của Ngân hàng.

**Năm 2004:** Công ty đầu tư tiếp dây chuyền dệt bao PP từ Đài Loan và Trung Quốc bao gồm: máy kéo chỉ, hệ thống máy dệt bao PP các loại trị giá 8 tỷ đồng. Đến tháng 9/2004, Công ty lại tiếp tục đầu tư 01 dàn máy tráng ghép màng phức hợp của Hàn Quốc trị giá 4 tỷ đồng. Tất cả được đầu tư từ nguồn thuê mua tài chính.

Công ty đã tiến hành hoạt động với mô hình hai Nhà máy: Nhà máy bao bì PP và Nhà máy bao bì cao cấp – xuất khẩu. Công ty cũng đã khai trương Cửa hàng trưng bày sản phẩm và kinh doanh nguyên vật liệu ngành nhựa vào ngày 30/10/2004.

**Năm 2005:** Công ty đầu tư một máy seal ống và một máy cắt túi cho mặt hàng bao bì mềm trị giá 71,500.00 USD của Hàn Quốc; 10 máy dệt khổ lớn trị giá 100,000.00 USD của Đài Loan.

**Năm 2006:** Công ty tiếp tục đầu tư một máy in bao bì nhựa PS-RW-C1064 trị giá 66,000.00 USD của Trung Quốc.

**Năm 2007:** Nhằm đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, tập trung sản xuất để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường; Công ty một lần nữa đã tăng vốn điều lệ từ 33 tỷ lên 80 tỷ đồng thông qua kênh thị trường Chứng khoán.

**Năm 2008:** Công ty đã tiến hành thành lập thêm Công ty TNHH 1 Thành Viên Nhựa Tân Hóa Long An tại KCN Tân Đức - Long An và được đầu tư bằng nguồn vốn thặng dư và nguồn vốn vay Ngân hàng, với toàn bộ hệ thống dây chuyền sản xuất của Châu Á và Châu Âu với tổng diện tích xây dựng 2,8ha/5,07ha đất trong 50 năm trong tổng mức vốn đầu tư khoảng 118 tỷ đồng.

Hiện nay, thị trường nội địa chính của Công ty là cung cấp sản phẩm bao bì đựng thức ăn chăn nuôi gia súc, nuôi tôm cá, phân bón, màng phủ nông nghiệp, màng Địa kỹ thuật lót đầm nuôi tôm, lót hồ xử lý nước thải ..... cho các Công ty lớn trong nước như: Cargiil, Proconco, Baconco, Tomboy, Greenfeed, Anco, Uni-President, Guyomarc'h VN, Vạn Sanh, CJ Vina, Đạm Phú Mỹ, Đông A Đà Lạt ...; Các loại bao bì mềm cho các Công ty như: Giấy Sài Gòn, Sông Đuống,... Thị trường xuất khẩu, chủ yếu là các loại túi xách dùng trong siêu thị như: ECOFRANCE, EPLASTIC PROCUREMENT CENTER, LUCKY PARIS CO.,LTD ...; Màng phủ nông nghiệp, màng phủ nhà kính cung cấp cho thị trường các tỉnh trong nước và thị trường xuất khẩu Úc,

Trong những năm gần đây, các sản phẩm của Công ty được khách hàng và các tập đoàn trong và ngoài nước đánh giá cao về chất lượng cũng như dịch vụ nhờ đó uy tín của thương hiệu TÂN HÓA - VIKY PLASTIC ngày càng nâng cao.

Nhằm khai thác triệt để những lợi thế về tài sản thương hiệu cũng như dựa vào đặc điểm của sản phẩm ngành bao bì nhựa là sản phẩm tái chế lại được và bảo đảm về vấn đề môi trường, Công ty đã chọn phương án tập trung đầu tư đa dạng hoá các loại sản phẩm nhằm tạo ra các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về mặt địa lý, có nhu cầu lớn trong các ngành nông nghiệp, thủy sản... tại miền Tây và miền Trung.

**Năm 2009:** Công ty di dời các phân xưởng hoạt động từ TP.HCM về Khu Công nghiệp Tân Đức Huyện Đức Hòa tỉnh Long An để tập trung và phát triển sản xuất kinh doanh .

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

### ***I- CÁC NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG***

#### ***NĂM:***

Hội Đồng Quản Trị chỉ đạo Ban Giám Đốc và các phòng nghiệp vụ thực hiện các thủ tục và báo cáo theo đúng qui định của Ủy Ban Chứng khoán và Sở Giao Dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

### ***II- CÁC THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM:***

Hội Đồng Quản Trị thường xuyên giám sát Ban điều hành về việc cân đối giữa một bên là sức ép của nền kinh tế vừa lạm phát xong rồi đến giảm phát phi mã với một bên là những rủi ro kinh tế Việt Nam nói riêng và nền kinh tế toàn cầu nói chung không ổn định về tăng trưởng và từ những bất cập khác trong sản xuất ngành nhựa và các ngành kinh tế khác.

Hội Đồng Quản Trị cũng đã có sự thay đổi, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2008-2013 .

### ***III- THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM:***

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm 2010 như sau:

Ông Trương Tứ Đệ	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 09/07/2010
Bà Đỗ Thị Lan Chi	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 09/07/2010 (Chủ tịch đến 08/07/2010)
Ông Nguyễn Huy Cao An	Ủy viên	Đến ngày 29/06/2010 (Bãi nhiệm 29/06/2010)
Ông Nguyễn Huy Chính	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 20/06/2000
Bà Huỳnh Lê Mỹ Thi	Ủy viên	Đến ngày 29/06/2010 (Bãi nhiệm 29/06/2010)
Bà Huỳnh Thu Hà	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 29/06/2010
Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 29/06/2010

Các thành viên của Ban Ban Kiểm soát trong năm 2010 như sau:

Ông Phạm Đức Trình	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thành Công	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 29/06/2010

#### *IV- TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI:*

Với dấu hiệu hồi phục suy thoái kinh tế và khủng hoảng tài chính nhanh của nền kinh tế hiện nay, Tân Hóa chủ trương tăng trưởng trong tầm kiểm soát và chỉ tăng trưởng nếu kiểm soát được rủi ro.

Trước những thách thức của năm 2010 và những năm tiếp theo, Tân Hóa nỗ lực biến thách thức thành cơ hội. Đó là theo dõi và dự đoán các diễn biến của tình hình giá xăng dầu và giá nguyên liệu nhựa thế giới, tình hình khắc phục khủng hoảng của thị trường tài chính để đưa ra các quyết định sản xuất kinh doanh phù hợp. Đó là tìm kiếm cơ hội kinh doanh trong một thị trường cạnh tranh gay gắt giữa các ngành sản xuất bao bì nhựa trong nước và nước ngoài.

Trên cơ sở tham khảo các mô hình quản trị của các Doanh nghiệp sản xuất bao bì nhựa trong và ngoài nước, các qui định của pháp luật Việt Nam về quản trị doanh nghiệp, và mô hình quản trị hiện nay của mình; Tân Hóa từ năm 2010 luôn hướng tới quản trị, điều hành theo tập quán thực hành tốt nhất. Hội Đồng Quản Trị Tân Hóa còn bao gồm thành viên Ban điều hành để tạo mối nối giữa Hội Đồng Quản Trị và Ban điều hành trong quá trình quản trị và điều hành. Đó là quá trình tách biệt giữa chủ sở hữu, công tác quản trị và công tác điều hành nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông nói riêng và của các bên liên quan nói chung.

Với đòi hỏi đó, Tân Hóa thường xuyên xây dựng và điều chỉnh chiến lược phát triển, có đội ngũ cán bộ năng động nhạy bén có chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, có giải pháp tổ chức thực hiện chiến lược và chương trình hành động cũng như kiểm soát rủi ro trong tình hình kinh tế khủng hoảng hiện nay, và biết lựa chọn thời điểm thích hợp trong quá trình thực hiện.

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

#### *I- BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:*

Khi tăng vốn điều lệ từ 33 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng qua phát hành cổ phiếu, Tân Hóa đã tăng nguồn thặng dư vốn cổ phần lên 62,7 tỷ đồng. Tân Hóa đã dùng toàn bộ nguồn vốn phát hành này và bổ sung thêm nguồn vốn vay của Ngân hàng để đầu tư cho việc xây dựng Nhà máy và hệ thống thiết bị mới tại KCN Tân Đức - Long An để tập trung và phát triển thêm hoạt động sản xuất kinh doanh.

## II- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VI.1	<b>168.302.056.358</b>	<b>334.111.551.912</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	368.365.725	1.009.887.395
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	VI.3	<b>167.933.690.633</b>	<b>333.101.664.517</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	171.631.566.207	342.485.090.562
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(3.697.875.574)</b>	<b>(9.383.426.045)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.965.714.500	65.744.129
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	24.305.074.001	21.106.034.409
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>21.184.524.952</i>	<i>14.914.721.491</i>
8. Chi phí bán hàng	24		1.095.463.011	2.659.695.171
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.234.400.339	12.058.315.529
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(35.367.098.425)</b>	<b>(45.141.727.025)</b>
11. Thu nhập khác	31		122.014.011	1.180.793.002
12. Chi phí khác	32		492.182.893	6.307.270.128
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(370.168.882)</b>	<b>(5.126.477.126)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(35.737.267.307)</b>	<b>(50.268.204.151)</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(35.737.267.307)</b>	<b>(50.268.204.151)</b>
18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(4.467)	(6.284)

### **III- CÁC TIỀN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:**

Về cơ cấu tổ chức và quản lý: Năm 2010 giải thể sát nhập Công ty TNHH 1 TV về Công ty mẹ.

Về vốn hoạt động: Trong hoàn cảnh hoạt động SXKD thua lỗ, thiếu vốn hoạt động, năm 2010 Công ty phải huy động vay của các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc 15 tỷ VND.

Về giải quyết các mặt tồn tại : Đã khởi kiện và chuyển toàn bộ hồ sơ các vấn đề cho cơ quan pháp luật nhờ can thiệp làm rõ để giúp thu hồi vốn cho công ty.

### **IV- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI:**

Với đặc thù sản xuất kinh doanh của Tân Hóa là không hướng đến người dùng cuối mà nhắm vào các doanh nghiệp, các nhà cung cấp, do đó chiến lược marketing của Tân Hóa đi theo hướng riêng, tập trung vào việc thuyết phục các nhà sản xuất.

Với định hướng đó, trong hoạt động tiếp thị mở rộng thị trường, Tân Hóa tập trung vào từng đối tượng cụ thể, có hướng tiếp cận và chính sách riêng cho từng doanh nghiệp. Để làm tốt điều này đòi hỏi phải có quá trình tìm hiểu khách hàng lâu dài và kỹ lưỡng, hiểu sâu các đặc điểm của khách hàng như năng lực sản xuất, năng lực tài chính, loại sản phẩm, thị trường/phân khúc thị trường mà khách hàng hướng đến và phục vụ.

Tân Hóa có chủ trương chính sách về giá xuyên suốt: đó là ưu tiên giá tốt cho các hợp đồng có số lượng lớn, giảm chi phí để hạ giá thành sản phẩm. Tuyệt đối không hạ giá thành bằng cách giảm chất lượng đầu vào để giảm giá bán. Tân Hóa không chủ trương hy sinh chất lượng để có giá thấp. Giá bán sản phẩm sẽ được xác định dựa trên nhiều yếu tố, như chi phí sản xuất, uy tín của thương hiệu, mức cạnh tranh trên thị trường, chất lượng sản phẩm, trong đó đặt yếu tố chất lượng sản phẩm lên hàng đầu

### **CÁC CÔNG TY NẴM GIỮ VỐN CỔ PHẦN CÓ LIÊN QUAN:**

- Tổng Công ty Nông Nghiệp Sài Gòn TNHH 1 TV;

### **TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:**

#### **I-CƠ CẤU TỔ CHỨC**

#### **II- TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC CÁ NHÂN BAN GIÁM ĐỐC:**



**TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

- 1- Họ và Tên : **Nguyễn Minh Tiến**  
2- Ngày tháng năm sinh : 15/06/1960  
3- Nơi sinh :  
4- Giới tính : Nam  
5- Quốc tịch : Việt Nam  
6- Dân tộc : Kinh  
7- Quê quán :  
8- Địa chỉ thường trú : 129B Lý Chính Thắng, P.7, Quận 3, TP HCM  
9- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 083.9692394  
10- Trình độ văn hóa :  
11- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế  
12- Quá trình công tác :  
1988 – 1992 : Tổng Công ty nhựa Việt Nam (Vinaplast)  
1993 – 1995 : Công ty United Potteries Sài Gòn  
1996 – 2005 : Trưởng văn phòng Đại diện C. ty Windhorst ASIA Pacific tại Việt nam  
2006 – đến nay : C.ty TNHH SX-TM Hưng Phú Đạt  
13- Chức vụ công tác hiện nay : Tổng Giám Đốc Công Ty CP Nhựa Tân Hóa  
14- Số sở phần đang nắm giữ : không  
15- Hàng vi phạm pháp luật : Không  
16- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ**

- 1- Họ và tên : **Nguyễn Huy Chính**  
2- Ngày tháng năm sinh : 12/03/1954  
3- Nơi sinh : Hải Dương  
4- Giới tính : Nam  
5- Quốc tịch : Việt Nam  
6- Dân tộc : Kinh  
7- Quê quán : Hải Dương  
8- Địa chỉ thường trú : Số 1 Sông Đà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM  
9- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 08 – 8 – 969 2084  
10- Trình độ văn hóa : 10/10  
11- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế – Cử nhân luật  
12- Quá trình công tác :  
a- Từ 1972 – 1975 : Bộ đội

- b- Từ 1976 – 1977 : Trường Đại học Dyer TP.HCM  
c- Từ 1977 – 1981 : Trường Đại học Kinh tế TP.HCM  
d- Từ 1981 – 1984 : Thượng úy – Trợ lý Cục Tài chính – Bộ Quốc phòng  
e- Từ 1985 – 2000 : Trường phòng Giao dịch – Ngân hàng Công thương Chi nhánh 12 Thành Phố Hồ Chí Minh.  
f- Từ 2000 – 2004 : Ủy viên IIDQT – Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Tân Hóa  
g- Từ 2005 đến 2008 : Ủy viên HĐQT – Cửa hàng trưởng .
- 13- Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên HĐQT – Phó Giám Đốc Hành Chính Nhân Sự Công ty CP Nhựa Tân Hóa
- 14- Số cổ phần đại diện : Không CP
- 15- Số CP đang nắm giữ : 5.000 CP
- 16- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 17- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công Ty : Không

### **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KINH DOANH**

Họ và tên: HUỖNH THU HÀ  
Giới tính: Nữ  
Ngày tháng năm sinh: 25/09/1958  
Nơi sinh: Việt Nam  
Số CMND: 020509760  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Hoa  
Địa chỉ thường trú: 102 Tạ Uyên P.4 Q.11 TP.HCM  
Số ĐT liên lạc: 0913704466  
Trình độ chuyên môn: Thương mại và sản xuất  
Quá trình công tác:  
Từ ..... đến nay  
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Ủy viên HĐQT- Tổng Giám đốc  
chức phát hành:  
Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ  
chức khác  
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 250.000 cp chiếm 3,12% vốn Điều lệ  
31/12/2010)  
+ Đại diện sở hữu:  
+ Cá nhân sở hữu: 250.000 cp chiếm 3,12% vốn Điều lệ  
Những khoản nợ đối với Công ty: Có  
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Có  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Có

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Oanh  
Giới tính: Nữ  
Ngày tháng năm sinh: 16/09/1961  
Nơi sinh: Tiền Giang  
Số CMND: 021974590, ngày cấp 24/06/2007, nơi cấp Công an Tp. Hồ Chí Minh  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: 69/20 Nguyễn Trãi, Phường 2, Quận 5, Tp. HCM  
Số ĐT liên lạc: 0913.750.765  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân thương mại  
Quá trình công tác:  
Từ 1986 đến nay Công tác tại Tổng Công Ty Nông nghiệp Sài Gòn  
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành: Kiểm soát viên Công ty CP Nhựa Tân Hóa  
Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Phó phòng Tài chính -Kế toán Tổng Công Ty NN Sài Gòn  
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 17/09/2008)  
+ Đại diện sở hữu: 391.317 cổ phần, chiếm 4,89 % vốn điều lệ  
+ Cá nhân sở hữu: ..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ  
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:  
1- Mỗi quan hệ: ... , Tên cá nhân/tổ chức: ... nắm giữ: ..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ  
2- Mỗi quan hệ: ..., Tên cá nhân/tổ chức: .....nắm giữ: ..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ  
Những khoản nợ đối với Công ty: Không  
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

**III- THAY ĐỔI GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM:**

Trong năm 2010 có sự thay đổi Tổng Giám Đốc điều hành:

- Ông Nguyễn Huy Cao An Tổng Giám Đốc : Miễn nhiệm ngày 29/04/2010 .
- Ông Nguyễn Huy Chính Quyền Tổng Giám đốc từ 01/05/2010 đến 08/07/2010 .
- Ông Nguyễn Minh Tiến Tổng Giám đốc từ ngày 09/07/2010 .

#### **IV- QUYỀN LỢI CỦA BAN GIÁM ĐỐC:**

Tân Hóa chi trả một mức lương cạnh tranh cho Ban Giám Đốc và một số cán bộ quản lý cao cấp; thưởng theo thành tích công việc, cấp xe công vụ,...

#### **V- SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:**

So với thời điểm mới thành lập Công ty, đội ngũ CBCNV hiện nay đã được đào tạo bài bản, có kỹ năng làm việc và tinh thần kỷ luật. Lực lượng lao động Công ty được phân chia thành các cấp như sau: Cán bộ đầu ngành, các bộ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, công nhân kỹ thuật, công nhân vận hành thiết bị chuyên dùng ...

Tính đến thời điểm 31/12/2010, tổng số CBCNV của Công ty là 350 người, cơ cấu lao động như sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng (%)
<b>I. Phân theo trình độ lao động</b>	<b>350</b>	<b>100%</b>
1. Đại học	10	2.85%
2. Cao đẳng, trung cấp	20	5,71%
3. Lao động sơ cấp	300	85.71%
4. Công nhân kỹ thuật	20	5,71%
<b>II. Phân theo công việc</b>	<b>350</b>	<b>100%</b>
1. Lao động trực tiếp	496	90%
2. Lao động gián tiếp	35	10%

Lực lượng lao động đủ năng lực vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, đồng thời tiếp tục phát huy trình độ khoa học kỹ thuật nâng cao tay nghề đảm bảo thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

#### **Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp...**

Công ty tạo môi trường và điều kiện làm việc ổn định cho 350 công nhân viên chức, nâng thu nhập bình quân một người/tháng đạt trên 2.400.000 đồng.

Việc thực hiện luật lao động, pháp lệnh bảo hộ lao động, chế độ bảo hiểm xã hội, an toàn lao động được thực hiện tốt, hạn chế không để xảy ra tai nạn lao động. Các chế độ hợp đồng lao động, tiền lương Công ty thực hiện đúng chính sách Nhà nước qui định, đặc biệt duy trì tốt chế độ làm việc, tính theo lương sản phẩm đảm bảo năng lực tay nghề của người lao động.

Cùng với chế độ thực hiện và chăm lo đời sống, hàng năm Công ty đã tổ chức các lớp huấn luyện đào tạo công nhân thi tay nghề, qui trình an toàn lao động chung và cho những công nhân làm việc ở các khu vực có yêu cầu cấp độ an toàn cao.

Công tác kiểm tra an toàn lao động, an toàn thiết bị, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm được Ban bảo hộ lao động Công ty thực hiện thường xuyên, định kỳ. Môi trường lao động sản xuất được chú trọng đầu tư nâng cấp.

## THÔNG TIN CỐ ĐỒNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### *I- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY:*

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Trương Tứ Đệ	1956	021812010	Chủ tịch
2	Đỗ Thị Lan Chi	1964	024799955	Thành viên
3	Nguyễn Huy Chính	1954	022026362	Thành viên
4	Huỳnh Thu Hà	1958	020509760	Thành viên
5	Nguyễn Thị Hồng Oanh	1961	021974590	Thành viên

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Họ và tên:* Trương Tứ Đệ  
*Giới tính:* Nam  
*Ngày tháng năm sinh:* 15/08/1956  
*Nơi sinh:* Trung Quốc  
*Số CMND:* 021812010, ngày cấp 16/03/2004, nơi cấp Công an Tp. Hồ Chí Minh  
*Quốc tịch:* Việt Nam  
*Dân tộc:* Hoa  
*Địa chỉ thường trú:* 102 Tạ Uyên, Phường 4, Quận 11, Tp. HCM  
*Số ĐT liên lạc:* 0903.704.902  
*Trình độ chuyên môn:*  
*Quá trình công tác:*  
Từ đến nay Giám Đốc Công ty TNHH TM DV Hợp Tiến  
*Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành:* Chủ tịch HĐQT  
*Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác:* Giám đốc Công Ty TNHH Hợp Tiến

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2010) 201.000 cổ phần, chiếm 2,51% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: ..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 200.000 cổ phần, chiếm 2,5% vốn điều lệ

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: 1- Mối quan hệ: vợ  
Tên cá nhân/tổ chức: Huỳnh Thu Hà, nắm giữ: 250.000 CP, chiếm 3,12% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Công ty: Có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Có

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên: **Đỗ Thị Lan Chi**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 15/03/1964

Nơi sinh: Sài Gòn

Số CMND: 024799955, cấp ngày 24/09/2007, nơi cấp Công an Tp. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: J5-7 Hưng Vượng, P. Tân Phong, Q.7, Tp. HCM

Số ĐT liên lạc: 0913.792.054

Trình độ chuyên môn: Đại học Ngân hàng

Quá trình công tác:  
Từ 1988 đến nay Sản xuất, kinh doanh nhựa

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành: Ủy viên HĐQT

Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2010) 30.000 cổ phần, chiếm 0,37% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: ..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 30.000 cổ phần, chiếm 0,37 % vốn điều lệ

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: 1- Mối quan hệ: ... , Tên cá nhân/tổ chức: ... nắm giữ: ..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Công ty: Có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Có  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Có

### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Họ và tên: **Nguyễn Huy Chính**  
Giới tính: Nam  
Ngày tháng năm sinh: 12/03/1954  
Nơi sinh: Hải Dương  
Số CMND: 022026362, cấp ngày 12/03/2010, nơi cấp Công an Tp. Hồ Chí Minh  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: Số 1 Sông Đà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM  
Số ĐT liên lạc: 0913.602.605  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Cử nhân Luật  
Quá trình công tác:  
Từ 1972 đến 1975: Bộ đội  
Từ 1975 đến 1977: Trường Đại học Dự bị TP.HCM  
Từ 1977 đến 1981: Trường Đại học Kinh tế TP.HCM – Bộ đội Quân khu 7  
Từ 1981 đến 1984: Thượng úy – Trợ lý Cục Tài chính – Bộ Quốc phòng  
Từ 1985 đến 2000: Trưởng phòng Giao dịch – Ngân hàng Công thương Chi nhánh 12 TP.HCM  
Từ 2000 đến 2004: Ủy viên HĐQT – Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Tân Hóa  
Từ 2005 đến 2008: Ủy viên HĐQT – Cửa hàng trưởng Công ty CP Nhựa Tân Hóa  
Từ 2009 đến 2010: Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty  
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành: Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Nhựa Tân Hóa kiêm Giám đốc Công ty TNHH 1TV Nhựa Tân Hóa-Long An  
Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không  
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2010): 5.000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ  
+ Đại diện sở hữu: ..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ  
+ Cá nhân sở hữu: 5.000 cổ phần, chiếm 0,06 % vốn điều lệ  
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Mọi quan hệ: Tên cá nhân/tổ chức:

Những khoản nợ đối với Công ty: Không  
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRI:**

Họ và tên: HUỖNH THU HÀ  
Giới tính: Nữ  
Ngày tháng năm sinh: 25/09/1958  
Nơi sinh: Việt Nam  
Số CMND: 020509760  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Hoa  
Địa chỉ thường trú: 102 Tạ Uyên P.4 Q.11 TP.HCM  
Số ĐT liên lạc: 0913704466  
Trình độ chuyên môn: Thương mại và sản xuất  
Quá trình công tác:  
Từ ..... đến nay  
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Ủy viên HĐQT- Tổng Giám đốc  
chức phát hành:  
Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ  
chức khác  
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 250.000 cp chiếm 3,12% vốn Điều lệ  
31/12/2010)  
+ Đại diện sở hữu:  
+ Cá nhân sở hữu: 250.000 cp chiếm 3,12% vốn Điều lệ  
Những người liên quan có nắm giữ 3- Mối quan hệ: Chồng  
cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Tên cá nhân/tổ chức: Trương Tứ Đệ, nắm giữ: 201.000  
CP, chiếm 2,51% vốn điều lệ  
4- Mối quan hệ: ..., Tên cá nhân/tổ chức: .....nắm giữ:  
..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ  
Những khoản nợ đối với Công ty: Có  
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Có  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Có



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRI:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Oanh  
Giới tính: Nữ  
Ngày tháng năm sinh: 16/09/1961  
Nơi sinh: Tiền Giang  
Số CMND: 021974590, ngày cấp 24/06/2007, nơi cấp Công an Tp. Hồ Chí Minh  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: 69/20 Nguyễn Trãi, Phường 2, Quận 5, Tp. HCM  
Số ĐT liên lạc: 0913.750.765  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân thương mại  
Quá trình công tác:  
Từ 1986 đến nay Công tác tại Tổng Công Ty Nông nghiệp Sài Gòn  
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Kiểm soát viên Công ty CP Nhựa Tân Hóa  
chức phát hành:  
Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ Phó phòng Tài chính -Kế toán Tổng Công Ty NN Sài Gòn  
chức khác  
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 17/09/2008)  
+ Đại diện sở hữu: 391.317 cổ phần, chiếm 4,89 % vốn điều lệ  
+ Cá nhân sở hữu: ..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ  
Những người liên quan có nắm giữ 5- Mỗi quan hệ: ... , Tên cá nhân/tổ chức: ... nắm giữ:  
cổ phiếu của tổ chức niêm yết: ..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ  
6- Mỗi quan hệ: ..., Tên cá nhân/tổ chức: .....năm giữ:  
..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ  
Những khoản nợ đối với Công ty: Không  
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

**II- BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY :**

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Phạm Đức Trình	1953	021348635	Trưởng Ban
2	Nguyễn Thị Tuyết Lan	1954	020262506	Thành viên
3	Nguyễn Thành Công			Thành viên

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Họ và tên:	Phạm Đức Trình
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	05/05/1953
Nơi sinh:	Thái Bình
CMND:	021348635, ngày cấp 14/01/2008, nơi cấp: Công an Tp. Hồ Chí Minh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	44 Hoa Đào – Khu dân cư Rạch Miễu, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM
Số ĐT liên lạc:	0903.833.092
Trình độ chuyên môn:	Đại học Ngoại thương Hà Nội
Quá trình công tác:	
+ Từ 1978 đến 1986:	CN Tổng Công ty XNK Hàng Dệt VN (TEXTIMEX)
+ Từ 1986 đến 1989:	Liên hiệp các xí nghiệp may Trung Ương (Conpectimex)
+ Từ 1989 đến 1996:	Trưởng phòng Vật tư - Kế hoạch – Seaspimex
+ Từ 1996 đến 2006:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh sản xuất phụ tùng (VMP Co. LTD)
+ Từ 2006 đến 31/12/2008:	Trưởng phòng Kế hoạch-Vật tư Công ty CP Thủy Đặc Sản .
+ Từ 5/2009:	Nghỉ hưu
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức nhiệm yết:	Trưởng Ban kiểm soát Công Ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2010):	1.006 cổ phần, chiếm 0.01% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	1.006 cổ phần, chiếm 0.01% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: 1- Mỗi quan hệ: ... , Tên cá nhân/tổ chức: ... năm giữ: ..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ  
2- Mỗi quan hệ: ..., Tên cá nhân/tổ chức: .....năm giữ: ..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Công ty: Không  
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

### **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết Lan  
Giới tính: Nữ  
Ngày tháng năm sinh: 05/07/1954  
Nơi sinh: Ninh Bình  
Số CMND: 020262506, ngày cấp 14/04/2004, nơi cấp Công an Tp. Hồ Chí Minh  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: 115/168 Lê Văn Sỹ, Phường 13, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM  
Số ĐT liên lạc: 0919.774.600  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Tài chính Kế toán  
Quá trình công tác:  
Từ 1976 đến 1977 Nhân viên văn thư Ban chỉ đạo Thi Công Thủy Lợi (Ban khai hoang XDNT)  
Từ 1977 đến 1992 Nhân viên thủ quỹ XNLH Xây dựng Thủy lợi – Công ty Gia Định  
Từ 1992 đến 1997 Nhân viên kế toán Công ty Gia Định  
Từ 1998 đến 1999 Kế toán trưởng Công ty Gia Định  
Từ 1999 đến 2008 Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn  
Từ 2009 đến nay Nghi hưu

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành: Kiểm soát viên Công ty CP Nhựa Tân Hóa

Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2010) ..... cổ phần, chiếm % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: ..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu:

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: 1- Mọi quan hệ: ... , Tên cá nhân/tổ chức: ... nắm giữ: ..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

### THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên: Nguyễn Thành Công

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/05/1969

Nơi sinh: Kiên Giang

Số CMND: 023148791 cấp 23/03/1996, nơi cấp Công an Tp. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 10/189B Lê Đức Thọ, Phường 15, Quận Gò Vấp, Tp.HCM

Số ĐT liên lạc: 0938050569-0908835569

Trình độ chuyên môn: Kế toán – Kiểm toán

Quá trình công tác:

Từ 1994 đến 2002 Kế toán trưởng Công ty TNHH TM Quốc Đạt

Từ 2002 đến 2004 Kế toán trưởng Công ty TNHH TM Đăng Hà

Từ 2004 đến 2009 Kế toán tổng hợp Công ty Cp Nhựa Tân Hóa

Từ 2009 đến nay Kế toán trưởng Công ty TNHH TM DV Đại Minh Quang

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành: Kiểm soát viên Công ty CP Nhựa Tân Hóa

Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 31/12/2010) ..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: ..... cổ phần, chiếm ..... % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu:

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: 2- Mọi quan hệ: ... , Tên cá nhân/tổ chức: ... nắm giữ: ..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

### **III- CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG :**

- Toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông.
- Tổng số cổ phiếu: 80.000.000 cổ phiếu (Mệnh giá: 10.000 đồng/1 cổ phiếu)
- Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu là 9.159đ
- Hiện nay Công ty có 2.191 cổ đông, trong đó:
  - 11 cổ đông là pháp nhân Việt Nam;
  - 10 cổ đông cá nhân nước ngoài;
  - 03 cổ đông tổ chức nước ngoài;
  - 01 cổ đông Nhà nước, nắm giữ 4,89% vốn;
  - 7 cổ đông là thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám Đốc, KTT và những người có liên quan .

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

#### ***BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:***

Ban Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

#### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 7592/QĐ-UB-KT ngày 10 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000108 ngày 03 tháng 07 năm 2000, thay đổi lần 8 ngày 10 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất các loại bao bì nhựa, bao bì PP dệt và các sản phẩm khác bằng nhựa từ màng siêu mỏng và màng phức hợp. In trên bao bì nhựa. Các ngành nghề khác thuộc lĩnh vực bao bì nhựa theo quy định của Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty tại 101 Tân Hóa - Phường 14 - Quận 6 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**Công ty có một công ty con sau:**

- Tên Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Tân Hóa - Long An

- Ngành hoạt động: Sản xuất các loại bao bì nhựa, bao bì PP dệt và các sản phẩm khác bằng nhựa từ màng siêu mỏng và màng phức hợp.
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VND; tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 100%.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:1100866940 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 11 tháng 11 năm 2008.
- Địa chỉ: Lô số 16-18-20 đường An Hạ, khu công nghiệp Tân Đức, xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
- Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, căn cứ theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 707/BB-TH ngày 29/11/2010 về việc lập quyết toán tài chính kết thúc niên độ kế toán, để giải thể Công ty TNHH MTV nhựa Tân Hóa – Long An. Ngày 15 tháng 12 năm 2010 Công ty TNHH MTV nhựa Tân Hóa – Long An đã lập Báo cáo tài chính kết thúc niên độ kế toán và nộp hồ sơ giải thể, chuyển toàn bộ hoạt động về Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa).
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Nhựa Tân hóa không còn công ty Con. Do đó, Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa không lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

#### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính này đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

#### **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm tài chính 2010 và đến ngày lập báo cáo này như sau:**

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trương Tứ Đệ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09/07/2010
Bà Đỗ Thị Lan Chi	Chủ tịch	Đến ngày 08/07/2010
Ông Nguyễn Huy Cao An	Ủy viên	Đến ngày 29/06/2010
Bà Huỳnh Lê Mỹ Thi	Ủy viên	Đến ngày 29/06/2010
Ông Nguyễn Huy Chính	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2010
Bà Huỳnh Thu Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2010
Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2010

##### **Ban Giám đốc**

Bà Huỳnh Thu Hà	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/03/2011
Ông Nguyễn Minh Tiến	Tổng Giám đốc	Đến ngày 10/03/2011
Ông Nguyễn Huy Chính	Quyền Tổng Giám đốc	Đến ngày 09/07/2010
Ông Nguyễn Huy Cao An	Tổng Giám đốc	Đến ngày 29/04/2010

##### **Ban kiểm soát**

Ông Phạm Đức Trình	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Công	Ủy viên

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

#### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính này tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Thay mặt Ban Giám đốc**

\_\_\_\_\_  
**Huỳnh Thu Hà**  
Giám đốc

Số : ..... /BCSX/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo Tài chính năm 2010  
của Công ty cổ phần nhựa Tân Hóa*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty cổ phần nhựa Tân Hóa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần nhựa Tân Hóa được lập ngày 15/02/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### ***Cơ sở ý kiến***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### *Gới hạn của cuộc kiểm toán*

Như đã trình bày tại phần giới hạn kiểm toán trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2009, các khoản nợ phải thu của khách hàng quá hạn không thủ hồi được thể hiện trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2010 trị giá hơn 26 tỷ đồng chưa được lập dự phòng, như vậy nếu Công ty lập dự phòng đầy đủ thì khoản mục lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 có số đầu năm và cuối năm sẽ lỗ tăng thêm một khoản tương ứng. Mặt khác trong số này có một số khách hàng công ty đã tổ chức đối chiếu nhưng chưa có kết quả và xảy ra nhiều vấn đề tranh chấp trị giá gần 24 tỷ đồng Công ty đã tiến hành các thủ tục nhờ cơ quan chức năng giải quyết.

Cũng liên quan đến các khách hàng có xảy ra tranh chấp trên, Công ty có thực hiện hạch toán điều chỉnh bổ sung theo nghị quyết của hội đồng quản trị ngày 10 tháng 06 năm 2010 về xử lý các vấn đề tài chính vào báo cáo tài chính năm 2009, trong đó có việc ghi nhận doanh thu, chi phí cho những khoản đã xuất bán và đã nhận hàng nhưng chưa có hóa đơn. Tuy nhiên cho đến ngày phát hành báo cáo công ty chưa phát hành các hóa đơn xuất bổ sung cho các khoản ghi nhận doanh thu cũng như chưa nhận được các hóa đơn đầu vào ghi nhận chi phí do còn tiếp tục xảy ra chằng chịt và theo đó phần thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp và thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ chưa có chứng từ thể hiện (xem thuyết minh V.2 trang 16 và thuyết minh V.12 trang 21).

Ngoài số công nợ khó đòi nêu trên, trên khoản mục phải thu khác được trình bày trên bảng cân đối kế toán còn khoản tạm ứng cổ tức năm 2008 do Công ty đã tạm ứng cổ tức nhiều hơn lợi nhuận là 2.551.550.345 đồng. Khoản này cũng có thể coi là khoản làm tăng lỗ lũy kế của Công ty.

Như trình bày tại phần giới hạn của cuộc kiểm toán trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2009, trên khoản mục phải thu khác trên báo cáo tài chính cho năm 2010 của Công ty có thể hiện khoản hàng tồn kho thiếu từ năm tài chính 2009 chờ xử lý trị giá: 5.355.393.711 đồng do Công ty chưa tìm được nguyên nhân thiếu và Công ty cũng đã tiến hành các thủ tục nhờ cơ quan chức năng giải quyết. Nếu khoản này không tìm được nguyên nhân để quy trách nhiệm bồi hoàn thì số lỗ trên khoản mục lợi nhuận chưa phân phối đầu năm và cuối kỳ trên bảng cân đối kế toán của Công ty tăng lên tương ứng.

Như trình bày tại phần giới hạn của cuộc kiểm toán trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2009, liên quan đến hợp đồng giao nhận thầu hạng mục xây dựng nhà văn phòng, kho, nhà xưởng và các hạng mục phụ trợ tại lô 16-18-20 đường An Hạ, Khu công nghiệp Tân Đức, Tỉnh Long An. Công ty và nhà thầu chưa thống nhất hồ sơ quyết toán công trình do không thống nhất nhiều mục liên quan đến chênh lệch giá và khối lượng phát sinh. Hiện Công ty mới chỉ hạch toán tạm tăng tài sản để khấu hao với các hạng mục này là 34.397.658.638 đồng. Do vậy giá trị tài sản cũng như khấu hao tài sản với các hạng mục này sẽ thay đổi khi hai bên thống nhất số liệu và quyết toán được duyệt.

Như đã trình bày tại phần giới hạn của cuộc kiểm toán trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2009 và theo các tài liệu chúng tôi nhận được, tại Công ty có tồn tại vấn đề liên quan đến các khoản chi thực tế không chi và các khoản thu để ngoài sổ sách và đã được gửi cơ quan điều tra xem xét. Chúng tôi không có điều kiện để xác định tính đúng đắn của vấn đề này cho nên các khoản chi phí hay thu nhập của Công ty có thể thay đổi khi vấn đề này được làm rõ.

### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần nhựa Tân Hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến trên, nhưng chúng tôi xin được lưu ý như sau:

Theo báo cáo tài chính của Công ty số dư nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn sau khi trừ đi các khoản tài sản tồn đọng khó thu hồi, lỗ hoạt động kinh doanh trong năm và lỗ lũy kế đến 31/12/2010 là khá lớn. Các nội dung này gây ra sự nghi ngờ đáng kể về tính phù hợp của việc giả định về hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của



Công ty vẫn được lập trên cơ sở giá định hoạt động liên tục và chưa bao gồm bất cứ sự điều chỉnh cần thiết nào đến vấn đề này.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

**Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

---

**Nguyễn Thị Lan**  
Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV

---

**Nguyễn Minh Tiến**  
Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2011*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>114.187.918.797</b>	<b>126.600.136.709</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>809.062.640</b>	<b>2.808.720.289</b>
1. Tiền	111		809.062.640	2.808.720.289
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>54.144.616.085</b>	<b>71.360.444.274</b>
1. Phải thu khách hàng	131		41.791.597.003	53.444.571.710
2. Trả trước cho người bán	132		2.710.844.508	6.815.328.405
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	9.642.174.574	11.100.544.159
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	V.3	<b>39.701.290.014</b>	<b>40.216.589.443</b>
1. Hàng tồn kho	141		39.701.290.014	40.216.589.443
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>19.532.950.058</b>	<b>12.214.382.703</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		86.858.687	152.545.051
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.760.061.606	10.179.400.429
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4	594.921.264	602.061.010
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	91.108.501	1.280.376.213
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>157.705.948.760</b>	<b>176.115.217.108</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>137.186.703.943</b>	<b>151.745.280.620</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	136.990.095.460	151.601.597.147
- Nguyên giá	222		191.950.840.370	192.296.764.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.960.744.910)	(40.695.167.453)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	80.054.253	143.683.473

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
- Nguyên giá	228		600.832.382	600.832.382
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(520.778.129)	(457.148.909)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	116.554.230	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250	V.9	-	<b>2.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	2.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>20.519.244.817</b>	<b>22.369.936.488</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	20.519.244.817	22.369.936.488
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>271.893.867.557</b>	<b>302.715.353.817</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>206.619.809.641</b>	<b>201.704.028.594</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>135.245.283.241</b>	<b>121.457.028.594</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	88.302.785.744	80.215.125.431
2. Phải trả người bán	312		33.713.934.962	33.094.560.263
3. Người mua trả tiền trước	313		-	210.645.968
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	4.515.420.038	4.599.216.392
5. Phải trả người lao động	315		1.582.280.286	742.132.181
6. Chi phí phải trả	316	V.13	960.383.888	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	3.919.874

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	6.045.489.397	2.234.837.059
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		124.988.926	356.591.426
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>71.374.526.400</b>	<b>80.247.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		11.000.000	11.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	71.363.526.400	80.236.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>65.274.057.916</b>	<b>101.011.325.223</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>65.274.057.916</b>	<b>101.011.325.223</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		62.691.707.800	62.691.707.800
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.139.666.270	6.139.666.270
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.448.155.304	2.448.155.304
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(86.005.471.458)	(50.268.204.151)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>271.893.867.557</b>	<b>302.715.353.817</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
----------	-------------	------------	------------

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		3.262,67	913,30
- EUR		207,62	257,38
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VI.1	<b>168.302.056.358</b>	<b>334.111.551.912</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	368.365.725	1.009.887.395
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	VI.3	<b>167.933.690.633</b>	<b>333.101.664.517</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	171.631.566.207	342.485.090.562
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(3.697.875.574)</b>	<b>(9.383.426.045)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.965.714.500	65.744.129
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	24.305.074.001	21.106.034.409
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>21.184.524.952</i>	<i>14.914.721.491</i>
8. Chi phí bán hàng	24		1.095.463.011	2.659.695.171
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.234.400.339	12.058.315.529
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(35.367.098.425)</b>	<b>(45.141.727.025)</b>
11. Thu nhập khác	31		122.014.011	1.180.793.002
12. Chi phí khác	32		492.182.893	6.307.270.128
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(370.168.882)</b>	<b>(5.126.477.126)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(35.737.267.307)</b>	<b>(50.268.204.151)</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(35.737.267.307)</b>	<b>(50.268.204.151)</b>
18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(4.467)	(6.284)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		196.746.314.898	294.466.602.083
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(161.696.358.505)	(278.971.755.182)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.254.458.994)	(15.788.207.090)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(20.224.141.064)	(14.914.721.491)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.153.774.916	61.714.629.164
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(13.934.305.253)	(67.984.168.573)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(1.209.174.002)</b>	<b>(21.477.621.089)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(116.554.230)	(10.221.099.662)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		97.304.545	118.767.830
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.579.325	65.744.129
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.670.360)</b>	<b>(12.036.587.703)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		161.439.434.907	257.253.076.063
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(162.224.248.194)	(225.079.639.135)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(254.672.083)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(784.813.287)	31.918.764.845

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**  
Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.999.657.649)	(1.595.443.947)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.808.720.289	4.404.164.236
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		809.062.640	2.808.720.289

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2010

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 7592/QĐ-UB-KT ngày 10 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000108 ngày 03 tháng 07 năm 2000, thay đổi lần 6 ngày 31 tháng 10 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại 101 Tân Hóa - Phường 14 - Quận 6 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có một công ty con sau:

- Tên Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Tân Hóa - Long An
- Ngành hoạt động: Sản xuất các loại bao bì nhựa, bao bì PP dệt và các sản phẩm khác bằng nhựa từ màng siêu mỏng và màng phức hợp.
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VND; tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 100%.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1100866940 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 11 tháng 11 năm 2008.
- Địa chỉ: Lô số 16-18-20 đường An Hạ, khu công nghiệp Tân Đức, xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, căn cứ theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 707/BB-TH ngày 29/11/2010 về việc lập quyết toán tài chính kết thúc niên độ kế toán, để giải thể Công ty TNHH MTV nhựa Tân Hóa – Long An. Ngày 15 tháng 12 năm 2010 Công ty TNHH MTV nhựa Tân Hóa – Long An đã lập quyết toán tài chính kết thúc niên độ kế toán và nộp hồ sơ giải thể, chuyển toàn bộ hoạt động về Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa).
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Nhựa Tân hóa không còn công ty Con. Do đó, Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa không lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất các loại bao bì nhựa, bao bì PP dệt và các sản phẩm khác bằng nhựa từ màng siêu mỏng và màng phức hợp. In trên bao bì nhựa. Các ngành nghề khác thuộc lĩnh vực bao bì nhựa theo quy định của Nhà nước./.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá ngoại tệ niêm yết tại ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh 12.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn (trên 1 năm) được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp Bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 15 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- Tài sản vô hình	10 năm

**4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu phản ánh toàn bộ số tiền mà các cổ đông đã góp cổ phần, đã mua cổ phiếu hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông và được ghi nhận theo mệnh giá.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông. Cổ tức có thể được ứng trước cho cổ đông, nhưng chỉ được chi phần còn lại khi đã được Đại hội cổ đông phê duyệt trong Đại hội cổ đông thường niên hàng năm.

Các khoản dự trữ, các quỹ được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Điều lệ được thông qua Đại hội cổ đông khi có đề nghị của Hội đồng quản trị.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	99.246.539	255.550.574
Tiền gửi ngân hàng	709.816.101	2.553.169.715
<b>Cộng</b>	<b>809.062.640</b>	<b>2.808.720.289</b>
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	5.355.393.711	5.355.393.711
Kinh phí công đoàn	82.622.370	-
Chi chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	140.360.740	-
Phải thu cán bộ công nhân viên tiền bảo hiểm	6.091.776	41.059.662
Cổ tức năm 2008 chi vượt so với lợi nhuận	2.551.550.345	2.551.550.345
Phải thu Công ty TNHH một thành viên nhựa Tân Hóa - Long An	-	1.977.272.055
Phải thu lại tiền hàng của ông Sang	450.010.000	450.010.000
Phải thu tiền thuế Giá trị gia tăng (*)	709.495.000	709.495.000
Phải thu khác	346.650.632	15.763.386
<b>Cộng</b>	<b>9.642.174.574</b>	<b>11.100.544.159</b>
(*) Là khoản thuế Giá trị gia tăng đầu vào của giá trị hàng hóa đã nhận nhưng chưa có hóa đơn.		
3. Hàng tồn kho	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	14.963.800.673	20.116.835.513
Công cụ dụng cụ	6.971.250	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.049.513.766	14.420.201.740
Thành phẩm tồn kho	7.681.004.325	5.679.552.190
<b>Cộng</b>	<b>39.701.290.014</b>	<b>40.216.589.443</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>39.701.290.014</b>	<b>40.216.589.443</b>
4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	31/12/2010	01/01/2010

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

	VND	VND	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	594.921.264	594.921.264	
Thuế phải thu khác	-	7.139.746	
<b>Cộng</b>	<b>594.921.264</b>	<b>602.061.010</b>	
<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>	
	VND	VND	
Tạm ứng	73.019.538	130.353.678	
Tài sản ngắn hạn khác	18.088.963	1.150.022.535	
<b>Cộng</b>	<b>91.108.501</b>	<b>1.280.376.213</b>	
<b>6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình</b>			
<b>Chi tiêu</b>	<b>Nhà cửa vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình</i>			
Số dư đầu năm	39.260.899.384	145.291.896.779	7.310.016.566
Số tăng trong kỳ	-	-	3.394.205.954
- Mua sắm mới, xây dựng mới	-	-	-
- Phân loại lại	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	3.394.205.954
- Thanh lý, nhượng bán	-	3.791.165.872	345.924.230
- Phân loại lại	-	-	345.924.230
Số dư cuối kỳ	39.260.899.384	141.500.730.907	10.358.298.290
<i>Giá trị đã hao mòn</i>			
Số dư đầu năm	3.653.028.193	33.608.145.069	3.036.113.051
Khấu hao trong kỳ	1.493.934.912	11.823.529.138	1.304.759.960
- Khấu hao trong kỳ	1.493.934.912	11.823.529.138	1.215.359.584
- Phân loại lại	-	-	89.400.376
Giảm trong kỳ	-	-	99.323.902
- Thanh lý, nhượng bán	-	99.323.902	345.924.230
- Phân loại lại	-	-	345.924.230
Số dư cuối kỳ	5.146.963.105	45.332.350.305	3.994.948.781
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình</i>			
Tại ngày đầu năm	35.607.871.191	111.683.751.710	4.273.903.515
Tại ngày cuối kỳ	34.113.936.279	96.168.380.602	6.363.349.509

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình		Đơn vị tính: VND	
Chi tiêu		Phần mềm máy tính	
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình</i>			
Số dư đầu năm			600.832.382
Số tăng trong kỳ			-
- Mua sắm mới			-
- Tăng khác			-
Số giảm trong kỳ			-
Số dư cuối kỳ			600.832.382
<i>Giá trị đã hao mòn</i>			
Số dư đầu năm			457.148.909
Khấu hao trong kỳ			63.629.220
Giảm trong kỳ			-
Số dư cuối kỳ			520.778.129
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình</i>			
Tại ngày đầu năm			143.683.473
Tại ngày cuối kỳ			80.054.253
8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		-	-
Mua sắm tài sản cố định		116.554.230	-
<b>Cộng</b>		<b>116.554.230</b>	<b>-</b>
9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
Đầu tư vào công ty con (*)		-	2.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác		-	-
<b>Cộng</b>		<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>

(\*) Đầu tư vào công ty con: Công ty TNHH một thành viên nhựa Tân Hòa - Long An, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 100%. Tuy nhiên, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 và biên bản họp Hội đồng quản trị số 707/BB-TH ngày 29/11/2010 về việc lập quyết toán tài chính kết thúc niên độ kế toán, để giải thể Công ty TNHH MTV nhựa Tân Hòa - Long An. Ngày 15 tháng 12 năm 2010 Công ty TNHH MTV nhựa Tân Hòa - Long An đã lập Báo cáo tài chính kết thúc niên độ kế toán và nộp hồ sơ giải thể, chuyển toàn bộ hoạt động về Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hòa).

10. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền thuê đất	18.320.786.988	18.729.429.077
Chi phí trước hoạt động nhà máy Long An	1.529.705.887	3.059.411.773
Chi phí khác	668.751.942	581.095.638
<b>Cộng</b>	<b>20.519.244.817</b>	<b>22.369.936.488</b>

  

11. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn	88.302.785.744	80.215.125.431
- Vay Ngân hàng TMCP Công Thương VN - chi nhánh 12	70.769.451.844	79.548.458.631
- Vay Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	233.333.900	666.666.800
- Vay Ông Trương Tứ Đệ	5.000.000.000	-
- Vay Ông Nguyễn Minh Tiến	3.000.000.000	-
- Vay Bà Huỳnh Thu Hà	7.300.000.000	-
- Vay Bà Đỗ Thị Lan Chi	2.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>88.302.785.744</b>	<b>80.215.125.431</b>

**\* Các khoản vay ngắn hạn bao gồm:**

- Vay Ngân hàng TMCP Công Thương VN - chi nhánh 12 theo Hợp đồng tín dụng số 038/NH ngày 04 tháng 05 năm 2009, hạn mức cho vay 72.494.000.000 đồng bao gồm cả tiền VND và USD, số dư nợ vay đến 31/12/2010 là 52.597.290.509 đồng, thời hạn vay tối đa 06 tháng cho từng lần nhận nợ; lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp và Hợp đồng tín dụng số 209/NH ngày 18 tháng 10 năm 2010, số dư nợ vay đến 31/12/2010 là 18.172.161.335 đồng, thời hạn vay tối đa 06 tháng cho từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp.
- Vay Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín theo hợp đồng tín dụng số 23286 ngày 20 tháng 07 năm 2009. Thời gian vay 24 tháng, lãi suất được điều chỉnh 06 tháng 01 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng cộng biên độ 0,36%/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp.
- Vay Ông Trương Tứ Đệ theo Hợp đồng vay vốn số 395/2010/HĐ-HĐV ngày 15 tháng 07 năm 2010, thời hạn vay 01 năm, lãi suất tiền vay theo lãi suất tiền vay ngân hàng tại thời điểm thanh toán.
- Vay Ông Nguyễn Minh Tiến theo Hợp đồng vay vốn số 396/2010/HĐ-HĐV ngày 15 tháng 07 năm 2010, thời hạn vay 01 năm, lãi suất tiền vay theo lãi suất tiền vay ngân hàng tại thời điểm thanh toán.
- Vay Bà Huỳnh Thu Hà theo Hợp đồng vay vốn số 397/2010/HĐ-HĐV ngày 15 tháng 07 năm 2010, thời hạn vay 01 năm, lãi suất tiền vay theo lãi suất tiền vay ngân hàng tại thời điểm thanh toán. Và Hợp đồng vay vốn số 423/2010/HĐ-HĐV ngày 23 tháng 07 năm 2010, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất tiền vay theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm thanh toán.

- Vay Đỗ Thị Lan Chi theo Hợp đồng vay vốn số 01-010/HĐ-TH ngày 27 tháng 01 năm 2010, thời hạn vay 03 tháng, không tính lãi đến ngày 26/03/2010.

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	4.335.966.219	4.335.966.219
Các loại thuế khác	179.453.819	263.250.173
<b>Cộng</b>	<b>4.515.420.038</b>	<b>4.599.216.392</b>
(*) Là khoản thuế Giá trị gia tăng đầu ra đối với những khách hàng phải xuất hóa đơn và ghi nhận doanh thu theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 10/06/2010.		
13. Chi phí phải trả	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Lãi vay phải trả	960.383.888	-
Chi phí phải trả khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>960.383.888</b>	<b>-</b>
14. Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải nộp Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	44.060.466	49.950.842
Cổ tức phải trả	293.386.217	293.386.217
Tiền thu của Bà Nguyễn Thị Mỹ Châu	5.706.748.710	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.294.004	1.891.500.000
<b>Cộng</b>	<b>6.045.489.397</b>	<b>2.234.837.059</b>
15. Vay và nợ dài hạn	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	71.363.526.400	80.236.000.000
- Vay dài hạn ngân hàng	71.363.526.400	80.236.000.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Công Thương VN - chi nhánh 12	71.363.526.400	80.236.000.000
+ Vay đối tượng khác	-	-
- Vay đối tượng khác	-	-
Nợ dài hạn "	-	-
<b>Cộng</b>	<b>71.363.526.400</b>	<b>80.236.000.000</b>

\* Chi tiết vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương VN - chi nhánh 12:

- Vay dài hạn theo HĐTD số 102/DH ngày 17 tháng 10 năm 2007, hạn mức cho vay 30.000.000.000 đồng, số dư nợ vay đến 31/12/2010 là 23.380.000.000 đồng, thời hạn vay 108 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản sẽ được xây dựng trên lô đất 16-18-20, khu công nghiệp Tân Đức, xã Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

- Vay dài hạn theo HĐTD số 048/HĐTD ngày 09 tháng 05 năm 2008, hạn mức cho vay 68.000.000.000 đồng, số dư nợ vay đến 31/12/2010 là 47.983.526.400 đồng, thời hạn vay 96 tháng, lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng lãi trả sau cộng biên độ 3,2%/năm. Tài sản bảo đảm là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Công ty.

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	62.691.707.800	6.139.66
Lỗ trong năm trước			
Chia cổ tức năm 2008			
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	62.691.707.800	6.139.66
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	62.691.707.800	6.139.66
Lỗ trong năm nay			
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	62.691.707.800	6.139.66

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010 VND	Tỷ lệ	01/01/2010 VND	Tỷ lệ
- Vốn góp của Nhà nước	3.913.170.000	5%	3.913.170.000	5%
- Vốn góp của các cổ đông khác	76.086.830.000	95%	76.086.830.000	95%
<b>Cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		



Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000
<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>8.000.000</b>	<b>8.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>8.000.000</b>	<b>8.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu mua lại</b>	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>8.000.000</b>	<b>8.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).</i>		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	168.302.056.358	334.111.551.912
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>168.302.056.358</b>	<b>334.111.551.912</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giảm giá hàng bán	-	135.950.605
Hàng bán bị trả lại	368.365.725	873.936.790
<b>Cộng</b>	<b>368.365.725</b>	<b>1.009.887.395</b>

**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	167.933.690.633	333.101.664.517
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>167.933.690.633</b>	<b>333.101.664.517</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>		
	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	171.631.566.207	342.485.090.562
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>171.631.566.207</b>	<b>342.485.090.562</b>
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.579.325	65.744.129
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.952.135.175	-
<b>Cộng</b>	<b>1.965.714.500</b>	<b>65.744.129</b>
<b>6. Chi phí tài chính</b>		
	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền vay	21.184.524.952	14.914.721.491
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.267.567.053	5.678.594.361
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	149.086.760	509.726.442
Khoản lỗ đầu tư vào Công ty con (sáp nhập)	1.703.895.236	-
Chi phí tài chính khác	-	2.992.115
<b>Cộng</b>	<b>24.305.074.001</b>	<b>21.106.034.409</b>
<b>7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<p>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</p>		

Bảng tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(35.737.267.307)</b>	<b>(50.268.204.151)</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN</b>	<b>245.696.493</b>	<b>-</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	245.696.493	-
+ Chi phí không được khấu trừ	146.232.031	-
+ Chi phí phạt vi phạm hành chính	99.464.462	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>(35.491.570.814)</b>	<b>(50.268.204.151)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>8. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>		
	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(35.737.267.307)	(50.268.204.151)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(35.737.267.307)	(50.268.204.151)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.000.000	8.000.000
<b>Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(4.467)</b>	<b>(6.284)</b>
<b>9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	101.496.268.257	117.154.195.202
Chi phí nhân công	11.788.882.982	10.788.827.656
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.675.130.907	8.116.383.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.734.747.863	7.199.092.910
Chi phí khác bằng tiền	16.116.255.813	17.502.865.737
<b>Cộng</b>	<b>148.811.285.822</b>	<b>143.258.498.813</b>

## VII. THÔNG TIN KHÁC

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2010, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH Một thành viên nhựa Tân Hòa - Long An	Công ty con	Bán hàng hóa, thành phẩm	62.189.684.903
Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT	Bán hạt nhựa, vật tư	24.292.736.200
		Mua nhựa	52.027.717.066

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này như sau:

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 31/12/2009	Số liệu tại ngày 01/01/2010 (phân loại lại)	Chênh lệch
Thuế GTGT được khấu trừ	5.853.637.746	10.179.400.429	4.325.762.683
Nợ ngắn hạn	116.774.674.485	121.457.028.594	4.682.354.109
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	273.453.709	4.599.216.392	4.325.762.683
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	356.591.426	356.591.426
Nguồn kinh phí	356.591.426	-	(356.591.426)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	356.591.426	-	(356.591.426)

CÔNG TY CP NHỰA TÂN HÓA

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Số: 238/CV-TH-2011

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2011

V/v: Giải trình công văn 656/2011/SGDHCM-NY

Ngày 15/04/2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã nhận được công văn số: 656/SGDHCM-NY ngày 15/04/2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Chúng tôi xin được giải trình các nội dung theo yêu cầu của công văn trên cụ thể như sau:

## 1. Về nguyên nhân dẫn đến thua lỗ tiếp trong năm 2010

Trong năm 2010 Công ty cổ phần nhựa Tân Hóa có nhiều biến động lớn về nhân sự cụ thể ngày 29/06/2010 chúng tôi đã miễn nhiệm 2 thành viên hội đồng quản trị một người là Tổng giám đốc, một người là phó tổng giám đốc kiêm kế toán trưởng công ty. Sau đó chúng tôi bầu lại chủ tịch hội đồng quản trị thì vị chủ tịch cũ không hợp tác với công ty nữa. Ngoài ra các nhân viên kinh doanh, kỹ thuật có một số người xin nghỉ việc do vậy chúng tôi thật sự khó khăn từ khâu quản lý, kỹ thuật đến bán hàng. Doanh thu giảm sút nghiêm trọng, cụ thể doanh thu giảm từ 334.111.551.912 đồng xuống còn 168.302.056.358 đồng tỷ lệ giảm 50%. Chính vì sự sụt giảm doanh thu này- đơn hàng ít đi trong khi toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị mới đưa vào sử dụng năm 2009 hầu hết không chạy đủ công suất vẫn phải trích đủ khấu hao cùng với các chi phí cố định khác làm cho giá thành sản phẩm tăng, cụ thể chi phí khấu hao tăng từ 8.116.383.045 đồng năm 2009 lên 14.675.130.907 đồng năm 2010 tức là chênh lệch tăng hơn 6 tỷ đồng, trong khi doanh thu giảm 50%.

Để duy trì khách hàng cũ và tìm kiếm khách hàng mới, chúng tôi phải nỗ lực linh động trong chính sách bán hàng cho nên có một số hợp đồng chúng tôi phải chấp nhận bán lỗ so với giá vốn. Ngoài ra do lãi xuất cho vay của ngân hàng liên tục tăng làm cho chi phí lãi vay tăng đáng kể, cụ thể chi phí lãi vay năm 2009 là 14.914.721.491 đồng năm 2010 tăng lên 21.184.524.952 đồng tức là chênh lệch tăng hơn 6 tỷ đồng. Trong năm 2010 chúng tôi giải thể công ty TNHH một thành viên nhựa Tân Hóa Long An, sát nhập vào Công ty Cổ phần nên phải nhận khoản lỗ từ công ty này thêm khoảng 1,7 tỷ đồng.

## 2. Phương án khắc phục nguyên nhân dẫn đến sự thua lỗ, kế hoạch kinh doanh của công ty trong thời gian tới.

Như những nguyên nhân đã nêu trên dẫn đến sự tiếp tục thua lỗ trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010. Từ khi ban lãnh đạo mới tiếp nhận điều hành công ty (khoảng tháng 07/2010) đã cố gắng tìm kiếm nhân sự có trình độ, có tay nghề giỏi để củng cố và kiện toàn bộ máy quản lý điều hành sản xuất kinh doanh công ty. Ban lãnh đạo mới cũng đã xem xét điều chỉnh lương cho Người lao động hiện có tại Công ty nhằm để động viên tinh và nâng suất làm việc của Người lao động.

Lãnh đạo công ty cũng đã nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường, Cụ thể Công ty đã ký được các hợp đồng với các khách hàng có nhu cầu sử dụng lớn và ổn định như: Khách hàng trong nước (Công ty CP Việt Nam, Công ty Thức ăn thủy sản Vina, Công ty Fotai, Công ty TNHH Số 1, . . . ), Khách hàng xuất khẩu (Công ty Plasbel Plasticos, Công ty SAS VIMO, . . . ). Ngoài ra để tận dụng công suất máy móc thiết bị đồng thời giảm bớt chi phí khấu hao tài sản cố định, Công ty nhận gia công cho một số khách hàng như: Công ty Bao bì Tín Thành, Công ty Fotai Việt Nam, . . . Lãnh đạo công ty đã cố gắng tiết giảm bộ máy quản lý, khối văn phòng tăng khối lượng công việc các ngày trong tuần để nghỉ ngày thứ 7, nhằm giảm tối đa chi phí tiền lương, thanh lý bớt các tài sản cũ, không mang lại hiệu quả, để giảm chi phí khấu hao, Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 29/06/2010 về việc bán 2.2 hecta đất tại khu công nghiệp Tân Đức - Long An, Công ty đã tiến hành đăng báo bán 2.2 hecta đất trên để trả bớt nợ vay hội đồng thành viên và Ngân Hàng nhằm giảm chi phí lãi vay trong thời gian tới. . . . Lãnh đạo công ty đã gửi nhiều công văn, nhiều buổi làm việc với lãnh đạo Ngân Hàng về việc xin giảm lãi suất tiền vay.

Với những nỗ lực, tâm quyết đưa Công ty qua khỏi giai đoạn khó khăn của ban lãnh đạo mới trong thời gian qua và sắp tới, sẽ đưa Công ty thoát khỏi những thua lỗ, vượt qua khó khăn, ổn định và phát triển.

**KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2011 - 2012**

STT	SỐ LIỆU CẦN THIẾT	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch năm 2012
1	Doanh thu	220.000	280.000
2	Các khoản giảm trừ	442	530
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>219.558</b>	<b>279.470</b>
4	Nợ phải thu	65.868	83.841
5	Nợ phải trả KH	17.565	22.358
6	Hàng tồn kho	26.347	33.536
<b>7</b>	<b>Giá vốn</b>	<b>206.800</b>	<b>252.000</b>
	Lợi nhuận HĐSXKD (gộp)	12.758	27.470
8	Chi phí tài chính	21.600	16.800
9	Chi phí bán hàng	1.430	1.820
10	Chi phí QLDN	9.881	10.869
<b>11</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>239.711</b>	<b>281.489</b>
12	Khấu hao	14.328	14.328
13	Tổng chi, phí đã trừ khấu hao	225.383	267.161
14	Doanh thu hoạt động tài chính	2.359	2.831
<b>15</b>	<b>Lợi nhuận hoạt động SXKD</b>	<b>-17.793</b>	<b>812</b>

**3. Về các vấn đề liên quan đến giới hạn của cuộc kiểm toán và lưu ý của kiểm toán viên**

Về các vấn đề liên quan đến giới hạn của cuộc kiểm toán và lưu ý của kiểm toán viên trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2010 chúng tôi xin giải trình cụ thể như sau:

- Về vấn đề công nợ, theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2010: " các khoản nợ phải thu của khách hàng quá hạn không thu hồi được thể hiện trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2010 trị giá hơn 26 tỷ đồng chưa được lập dự phòng, như vậy nếu Công ty lập dự phòng đầy đủ thì khoản mục lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 có số đầu năm và cuối năm sẽ lỗ tăng thêm một khoản tương ứng. Mặt khác trong số này có một số khách hàng công ty đã tổ chức đối chiếu nhưng chưa có kết quả và xảy ra nhiều vấn đề tranh chấp trị giá gần 24 tỷ đồng Công ty đã tiến hành các thủ tục nhờ cơ quan chức năng giải quyết. "

Toàn bộ số công nợ phải thu trên là quá hạn, trong đó có công nợ của một khách hàng trên 2 tỷ đồng không có khả năng thanh toán, chúng tôi đã gửi đơn khởi kiện, tòa án đã ra bản án yêu cầu đơn vị này trả nhưng đến nay vẫn chưa thu hồi được. Chúng tôi chờ kết quả thi hành án để thu hồi số nợ này. Số còn lại khoảng 24 tỷ đồng chúng tôi đã tổ chức đối chiếu công nợ nhưng trong quá trình đối chiếu còn xảy ra nhiều vấn đề tranh chấp nên chúng tôi đã gửi toàn bộ hồ sơ cho cơ quan chức năng giải quyết.

Các khoản thuế giá trị gia tăng đầu ra và đầu vào phải nộp chưa được thực hiện như báo cáo kiểm toán đã nêu. Trong năm 2010 khi tiến hành đối chiếu công nợ hạt nhựa chúng tôi đã đối chiếu với khách hàng về lượng mua và bán nhựa thực hiện đến 31/12/2009, khi có kết quả hội đồng quản trị đã ra nghị quyết yêu cầu hạch toán các khoản giao dịch này vào năm 2009 và yêu cầu các đối tượng liên quan hoàn tất hồ sơ nhưng sau đó do lại tiếp tục có tranh chấp nên chưa hoàn thiện được

hồ sơ, hóa đơn chứng từ. Như đã nêu ở đoạn trên, chúng tôi đã gửi toàn bộ hồ sơ cho cơ quan chức năng giải quyết.

Về khoản tạm ứng cổ tức năm 2008 do công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 cao hơn lợi nhuận số tiền là 2.551.550.345 đồng. Khoản này chúng tôi cũng không thể thu hồi mà chỉ có thể xử lý bằng nguồn lợi nhuận (Khi kinh doanh có lãi), hoặc xử lý bằng nguồn khác sau khi xin ý kiến của các cổ đông.

- Khoản hàng thiếu hụt từ năm 2009 trị giá: 5.355.393.711 đồng phát sinh trong quá trình kinh doanh nhựa Công ty chưa tìm được nguyên nhân thiếu và Công ty cũng đã tiến hành các thủ tục nhờ cơ quan chức năng giải quyết.
- Về đầu tư xây dựng: đây cũng là vấn đề tồn tại từ năm tài chính 2009, liên quan đến hợp đồng giao nhận thầu hạng mục xây dựng nhà văn phòng, kho, nhà xưởng và các hạng mục phụ trợ tại lô 16-18-20 đường An Hạ, Khu công nghiệp Tân Đức, Tỉnh Long An: Chúng tôi đã ký hợp đồng với nhà thầu trị giá 36,8 tỷ đồng và một phụ lục hợp đồng trị giá 1.027.152.972 đồng (bao gồm cả VAT). Thực tế Công ty đã thanh toán 39.728.230.958 đồng vượt so với hợp đồng 1.901.077.986 đồng. Tuy nhiên sau này chúng tôi phát hiện giữa công ty và đơn vị nhận thầu có ký thêm một phụ lục nữa là phụ lục 02 (do Ông Nguyễn Cao Huy An là Tổng giám đốc đã bị bãi nhiệm ký) để thực hiện các công việc phát sinh và điều chỉnh giá với giá trị là 25 tỷ đồng. Đơn vị nhận thầu đã đề nghị Công ty hoàn tất hồ sơ pháp lý để nghiệm thu, hoàn công và thanh toán theo giá trị mà đơn vị này đưa ra là: 64.313.981.675 đồng. Lý do đơn vị nhận thầu đưa ra là do trượt giá vật tư và thay đổi thiết kế so với dự toán ban đầu. Hội đồng quản trị Công ty đã có cuộc họp với các bên liên quan: Đơn vị nhận thầu, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát. Trong cuộc họp này HĐQT Công ty không công nhận khối lượng phát sinh do thay đổi thiết kế và phần trượt giá vật tư vì chưa có cơ sở pháp lý và đơn vị thi công chưa chứng minh được bằng hồ sơ cụ thể. Công ty cũng yêu cầu đơn vị nhận thầu làm hồ sơ quyết toán trình Tư vấn thiết kế và Tư vấn giám sát cùng chủ đầu tư trong vòng 30 ngày từ ngày 04/02/2010 (kể cả ngày lễ và chủ nhật) nhưng đến nay Công ty chưa nhận được các tài liệu này. Về vấn đề này Công ty khẳng định chỉ thanh toán theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng 01 không thanh toán phần phát sinh như đơn vị thi công yêu cầu. Đồng thời công ty cũng đã gửi hồ sơ ra cơ quan chức năng yêu cầu giải quyết.
- Trong năm 2009 chúng tôi phát hiện tại Công ty có tồn tại vấn đề liên quan đến các khoản chi thực tế không chi và các khoản thu để ngoài sổ sách. Các khoản này đã được khắc phục một phần và tiếp tục được gửi cơ quan chức năng xem xét.
- Về đoạn lưu ý trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty: Theo báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty số dư nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn sau khi trừ đi các khoản tài sản tồn đọng khó thu hồi, lỗ hoạt động kinh doanh trong năm và lỗ lũy kế đến 31/12/2010 là khá lớn (86.005.471.458) đồng. Doanh thu giảm sút nghiêm trọng. Tuy nhiên như đã trình bày ở phần các biện pháp khắc phục, chúng tôi cố gắng từng bước giải quyết khó khăn, ổn định sản xuất và kinh doanh có hiệu quả.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- UBCKNN
- SGDCK TP. HCM
- Lưu HĐQT - Công ty

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2011  
**CÔNG TY CP NHỰA TÂN HÓA**



T/M Hội Đồng Quản trị  
**CHỦ TỊCH**

**TRƯƠNG TỬ ĐỆ**